

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
PHƯỜNG LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:17/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 29 tháng 7 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội điều chỉnh dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LÀO CAI  
KỲ HỌP THỨ 3, NHIỆM KỲ 2016-2021**

*Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ luật ngân sách nhà nước số: 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ nhân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

*Căn cứ quyết định số: 2626/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND TP Lào Cai về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;*

*Căn cứ quyết định số:1268/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND Thành phố Lào Cai về việc điều chỉnh chỉ tiêu phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;*

*Xét tờ trình số: 57/TTr-UBND Ngày 26/6/2020 của UBND Phường Lào Cai Về việc thông qua báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm; kế hoạch phát triển KT-XH, điều chỉnh dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2020; Báo cáo thẩm tra số: 24/BC-HĐND ngày 08/7/2020 của ban KT-XH HĐND Phường; các báo cáo thẩm tra của ban pháp chế HĐND phường và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND phường Lào Cai tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội điều chỉnh dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 với các nội dung cơ bản như sau:

**1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2020.**

**a,** Tổng doanh thu TM-DV-DL ước đạt 1955 tỷ đồng = 130% KH thành phố giao năm 2020.

**b,** Chăm sóc và bảo vệ 190ha rừng, trong 6 tháng đầu năm trồng bổ sung 4 ha rừng; khai thác được 60m<sup>3</sup> gỗ tẻch, 150m<sup>3</sup> gỗ tạp ước đạt 460 triệu đồng; xuất chuồng 36,1 tấn lợn hơi, 5,3 tấn gia cầm ước khoảng trên 3,4 tỷ đồng. Đảm bảo tốt về công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm do vậy trên địa bàn không xảy ra dịch bệnh

**c,** Thu NSNN ước đạt: 5.318.957.417 đồng = 386,55% KH TP giao năm 2020; Thu NS Phường ước đạt : 4.133.089.095 đồng = 94,49% KH TP giao năm 2020; Chi NS phường ước đạt: 3.154.925.414 đồng = 72,74% dự toán.

**d,** Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, xây dựng, TTĐT, trong 6 tháng đã xử lý 46 trường hợp bày bán hàng hóa lấn chiếm hành lang vỉa hè tại các tuyến phố nộp ngân sách nhà nước 1.500.000đ; tháo dỡ 02 mái che mái vẩy, mái hiên di động, tháo dỡ 39 băng zôn quảng cáo sai quy định, tịch thu 04 biển quảng cáo hai chân; Tiếp tục thực hiện triển khai xây dựng tuyến phố văn minh, tuyến phố kiểu mẫu, duy trì các tuyến phố văn minh đã được công nhận. Hoàn thiện hồ sơ cấp phép xây dựng cho 45 trường hợp; duy trì quản lý 45 công trình xây dựng, lập biên bản tháo dỡ 02 lán nhà tạm dựng trái phép; Hoàn thiện hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 06 hộ gia đình, cấp bổ sung đất ở cho 08 hộ gia đình; Xử phạt 06 trường hợp vi phạm hành chính trong quản lý đất đai nộp ngân sách nhà nước 17.000.000đ.

**đ,** Lĩnh vực văn hóa xã hội được duy trì, chất lượng giáo dục được giữ vững, công tác khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được thực hiện có hiệu quả, công tác an sinh xã hội được thực hiện tốt; Phối hợp với các tổ chức, đơn vị, các ban ngành, đoàn thể tổ chức thăm hỏi tặng 1205 suất quà cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cán bộ khu dân cư, tổ dân phố trong dịp tết nguyên đán trị giá 469.750.000 đồng. Giải quyết chế độ mai táng phí cho 03 trường hợp; chế độ Người Cao tuổi cho 01 trường hợp; chế độ dân công hỏa tuyến cho 11 trường hợp; Đưa 14 đối tượng vào cai nghiện tại nhà cai nghiện của phường; đưa 14 đối tượng nghiện vào cai nghiện tại trung tâm 06. Chất lượng dạy và học đã được nâng cao rõ rệt; trong 6 tháng đầu năm khám cho 9009 lượt người bệnh. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; Thực hiện tốt việc cách ly các trường hợp tiếp xúc với người nhiễm và nghi nhiễm Covid-19 nên trên địa bàn phường không có trường hợp nào dương tính với virus covid 19; Xử phạt 02 trường hợp tập trung đông người và không đeo khẩu trang tại nơi công cộng nộp ngân sách nhà nước 7.700.000đ; Thực hiện hỗ trợ gói 62 nghìn tỷ theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ cho các đối tượng người có công, đối tượng Bảo trợ xã hội, hộ nghèo, cận nghèo tổng số tiền 366.750.000đ;

**e,** An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, trong 6 tháng đầu năm xảy ra 04 vụ trộm cắp tài sản; Bắt 01 vụ tàng trữ trái phép chất ma túy; xảy ra 03 vụ va chạm giao thông làm bị thương 03 người, hư hỏng 03 xe máy; xử lý 109 trường hợp vi phạm Trật tự ATGT nộp ngân sách nhà nước 78.000.000đ; xử phạt 01 trường hợp không khai báo tạm trú người nước ngoài

nộp ngân sách nhà nước 1.250.000đ; xử phạt 20 trường hợp vi phạm về đăng ký thường trú, tạm trú nộp ngân sách nhà nước 4.000.000đ; Xử phạt vi phạm hành chính 03 vụ đánh bạc nộp kho bạc 15.000.000đ; Tổ chức rà soát thông tin dữ liệu dân cư. Làm tốt công tác khám sơ tuyển và giao 04 công dân lên đường nhập ngũ đợt I/2020; đón 03 công dân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; tổ chức huấn luyện dân quân năm 2020 cho 63 chiến sỹ, tổ chức bắn đạn thật cho 30 chiến sỹ kết quả: Đạt loại khá 17 chiến sỹ; đạt yêu cầu 13 chiến sỹ. Thực hiện tốt công tác CCTTHC, tiếp nhận và giải quyết đơn thư không để vượt cấp và làm tốt công tác đối ngoại.

## **2. Kế hoạch phát triển KT-XH 6 tháng cuối năm 2020.**

HĐND phường Lào cai nhất trí với nhận định tình hình và các nhiệm vụ phát triển KT-XH, dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 và các giải pháp đã nêu trong báo cáo của UBND trình tại kỳ họp và thông qua các chỉ tiêu phát triển KT-XH, điều chỉnh dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 cụ thể như sau:

**a, Kinh tế:** Tiếp tục chỉ đạo rà soát toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch, có giải pháp để quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu thu ngân sách đã đề ra, phấn đấu tổng doanh thu thương mại - dịch vụ đạt 4.564 tỷ 565 triệu đồng bằng 105% kế hoạch thành phố giao; giá trị sản xuất TTCN đạt 203 tỷ 490 triệu đồng bằng 105% kế hoạch thành phố giao. Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thu - chi ngân sách Thành phố giao năm 2020.

### **b, Đất đai – Đô thị**

- Tỷ lệ rác thải được thu gom xử lý: 95%
- Tỷ lệ hộ gia đình phân loại rác thải/tổng số hộ thu gom: 95%.
- Tỷ lệ số hộ có giấy phép làm nhà/ Tổng số hộ làm nhà: 100%.
- Tỷ lệ hộ xây dựng nhà ở đúng giấy phép: 100%.
- Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 35 giấy.
- Tiếp tục hoàn thành xây dựng 02 tuyến phố văn minh, 01 tuyến phố kiểu mẫu năm 2020; duy trì các tiêu chí tuyến phố văn minh đã được công nhận.

### **c, Văn hóa – Xã hội:**

- Tiếp tục duy trì củng cố và nâng cao chất lượng chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập THCS đúng độ tuổi và PC GDMN trẻ năm tuổi. Tiếp tục huy động và quản lý nguồn xã hội hóa giáo dục đạt hiệu quả cao.
- Chỉ đạo trạm y tế tham mưu cho cấp ủy chính quyền địa phương xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện công tác khám chữa bệnh, đảm bảo ATTP, phòng chống dịch bệnh và triển khai tốt các chương trình y tế đạt 100% chỉ tiêu giao.
- Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Phối hợp đào tạo và giới thiệu việc làm cho lao động địa phương, đến cuối năm 2020 tạo việc làm mới cho 288 người.
- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn GĐVH: 96%
- Tỷ lệ tổ dân phố đạt tiêu chuẩn NSVH: 97%
- Tỷ lệ cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn NSVH: 100%
- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn GĐ thể thao: 55,5%
- Tỷ lệ số người tham gia luyện tập thể thao thường xuyên: 50,1%
- Số người nghiện được đưa vào cai nghiện tại trung tâm: 14 người

- Số người nghiện được đưa vào cai nghiện tại nhà cai nghiện của phường: 29 người.

- Số người được công nhận hoàn thành chương trình cai nghiện: 3 người.

#### **d. An ninh - quốc phòng**

Ổn định ANCT - TTATXH làm hạn chế và đẩy lùi tội phạm trên địa bàn phường, tiếp tục đấu tranh có hiệu quả với tai, tệ nạn xã hội, duy trì công tác cai nghiện ma túy 3 giai đoạn 2 hình thức. Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại; tích cực phối hợp quản lý biên giới trên cơ sở phát huy vai trò của tổ công tác tự quản đường biên giới. Thực hiện tốt kế hoạch đảm bảo ANTT. Duy trì và thực hiện tốt phong trào toàn dân BVANTQ. Tăng cường công tác quản lý tạm trú, tạm vắng, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý nhân hộ khẩu.

### **3. Điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương 6 tháng cuối năm 2020**

#### **- Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn phường:**

Dự toán giao đầu năm: 1.376.000.000đ

Dự toán điều chỉnh Tăng: 11.500.000.000đ

Dự toán sau điều chỉnh: 12.876.000.000đ

#### **- Thu Ngân sách địa phương:**

Dự toán giao đầu năm: 4.374.000.000đ

Dự toán điều chỉnh Tăng: 4.543.798.826đ

Dự toán sau điều chỉnh: 8.917.798.826đ

#### **- Chi ngân sách địa phương:**

Dự toán giao đầu năm: 4.374.000.000đ

Dự toán điều chỉnh Tăng: 4.543.798.000đ

Dự toán sau điều chỉnh: 8.917.798.000đ

*(Có biểu chi tiết đính kèm)*

#### **Điều 2. Hội đồng nhân dân phường Lào Cai giao:**

UBND Phường chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

Thường trực HĐND phường, các ban HĐND và đại biểu HĐND phường chịu trách nhiệm giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị Quyết.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được HĐND Phường Lào Cai kỳ họp thứ ba, nhiệm kỳ 2016-2021 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND TP;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND phường;
- MTTQ, các đoàn thể phường;
- Các Ban HĐND Phường;
- Đại biểu HĐND Phường;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

*Trần Bích Hảo*  
**Trần Bích Hảo**

**BIỂU TỔNG HỢP**  
**Kết quả phát triển KT-XH 6 tháng đầu năm 2020**  
*(Kèm theo Nghị Quyết số: /NQ-HĐND ngày /07/2020 của UBND Phường Lào Cai*

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng 2019	KH 2020		Thực hiện 6 tháng 2020	So sánh thực hiện 6 tháng 2020 (%)			Đề nghị điều chỉnh				Kế hoạch sau điều chỉnh 2020		Ghi chú
				TP giao	HĐND Phường giao		TP Giao	HĐND phường Giao	Cùng kỳ	TP		Phường		TP giao	HĐND Phường giao	
										Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
<b>A</b>	<b>Thương mại dịch vụ -Tiểu thủ CN</b>															
1	Tổng doanh thu TM-DV (NQD)	Tr đồng	663.000	1.506.250	1.581.563	1.955.000	130%	124%	295%	2.840.955		3.450.000		4.347.205	4.564.565	
*	Thương Mại	Tr đồng	410.000	898.609	943.539	1.356.000	151%	144%	331%	1.989.323		2.211.090		2.887.932	3.032.329	
*	Dịch vụ	Tr đồng	253.000	607.641	638.023	599.000	99%	94%	237%	851.632		1.238.910		1.459.273	1.532.237	
2	Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN do thành phố quản lý															
*	Theo giá so sánh 2010	Tr đồng	800	2.275	2.388	59.060	2597%	2473%	7383%	124.392				126.667	133.000	
*	Giá trị sản xuất TTCN (giá hiện hành)	Tr đồng	1.500	3.480	3.654	56.780	1632%	1554%	3785%	190.320		196.468		193.800	203.490	
a	Khai thác mỏ & S/x VLXD	Tr đồng														
b	Công nghiệp chế biến	Tr đồng	1.500	3.480	3.654	56.780	1632%	1554%	3785%	190.320		196.468		193.800	203.490	
<b>B</b>	<b>Nông lâm nghiệp</b>															
<b>I</b>	<b>Chăn nuôi</b>															
1	Tổng đàn gia súc	Con														
1.3	Tổng đàn lợn	Con				1.000				1.000		1.050		1.000	1.050	
-	Số con xuất chuồng	Con	255			360			141%	1.590		1.653		1.590	1.670	
-	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	25,5		50	36,1		72%	142%	119		126		119	125	
2	Tổng đàn gia cầm	1000Con	1,5	4	4	10	250%	250%	667%	6		6,5		10	11	
-	Số con xuất chuồng	1000Con	1,7	6,5	6	2,6	40%	43%	153%	9,5		10,2		16	17	
-	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	3,34	11,7	12	5,3	45%	44%	159%	17,3		19		29	30	
<b>II</b>	<b>Lâm nghiệp</b>															
1	Diện tích trồng rừng	Ha	0		5	4		80%				5			10	
+	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha														
+	Trồng lại rừng	Ha	0		5	4		80%				5			10	
2	Khoán bảo vệ rừng	Ha	71,1	90,0	90,0	190,0	211%	211%	267%	104,2		104		194,2	194,2	

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng 2019	KH 2020		Thực hiện 6 tháng 2020	So sánh thực hiện 6 tháng 2020 (%)			Đề nghị điều chỉnh				Kế hoạch sau điều chỉnh 2020		Ghi chú	
				TP giao	HĐND Phường giao		TP Giao	HĐND phường Giao	Cùng kỳ	TP		Phường		TP giao	HĐND Phường giao		
										Tăng	Giảm	Tăng	Giảm				
3	Tỷ lệ che phủ rừng	%															
<b>III</b>	<b>Công tác thú y</b>																
1	Kiểm soát giết mổ gia súc	1000 Con															
2	Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh đại động vật	Phường	1	1	1	1	100%	100%	100%		0				1	1	
-	Cơ sở an toàn bệnh đại duy trì	Phường	1	1	1	1	100%	100%	100%		0				1	1	
-	Cơ sở an toàn bệnh đại (mới)	Phường									0						
<b>D</b>	<b>Quản lý đô thị</b>																
1	Tỷ lệ hộ có giấy phép làm nhà / tổng số hộ làm nhà	%	98	100	100	100	100%	100%	102%						100	100	
	Trong đó: Đối với các phường	%	98	100	100	100	100%	100%	102%						100	100	
2	Tỷ lệ hộ xây dựng nhà ở đúng giấy phép	%	97	99	100	86,6	87%	87%	89%						99	100	
	Xây dựng tuyến phố văn minh	Tuyến	0	1	1	0	0%	0%			1		1		2	2	
	Tr.đó: Tuyến phố hiện đại, kiểu mẫu		0			0							1			1	
3	Tỷ lệ rác được thu gom và xử lý	%	99	99	99	95	96%	96%	96%			4		4	95	95	
<b>E</b>	<b>Tài nguyên môi trường</b>																
<b>I</b>	<b>Đăng ký đất đai, cấp GCNQSD đất</b>																
1	Thực hiện việc đăng ký, cấp GCNQSDĐ đất: Lần đầu, cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ	Giấy	0	5	5	14	280%	280%			30		30		35	35	
2	Tỷ lệ hộ gia đình phân loại rác thải/tổng số hộ được thu gom	%	95	95	97	95	100%	98%	100%				2		95	95	
<b>F</b>	<b>Phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo</b>																
1	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	100	100	100	100	100%	100%	100%						100	100	
2	Tỷ lệ huy động trẻ em (6-14) tuổi đến trường	%	100	99,9	99,9	100	100%	100%	100%						99,9	99,9	
3	Số xã, phường phấn đấu phổ cập giáo dục																
-	Số xã PCGDTH và CMC	Xã	1	1	1	1	100%	100%	100%						1	1	
-	Số xã PCGDTH đúng độ tuổi	Xã	1	1	1	1	100%	100%	100%						1	1	

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng 2019	KH 2020		Thực hiện 6 tháng 2020	So sánh thực hiện 6 tháng 2020 (%)			Đề nghị điều chỉnh				Kế hoạch sau điều chỉnh 2020		Ghi chú
				TP giao	HĐND Phường giao		TP Giao	HĐND phường Giao	Cùng kỳ	TP		Phường		TP giao	HĐND Phường giao	
										Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
3	Số tổ đạt tiêu chuẩn NSVH	Tổ	0	5	5	0	0%	0%		24		24		29	29	
4	Tỷ lệ tổ dân phố đạt tiêu chuẩn NSVH	%	0	100	100	0	0%	0%			3,3		3,3	96,7	96,7	
7	Tỷ lệ CQ, TrH đạt tiêu chuẩn NSVH	%	0	100	100	0	0%	0%			3,8			100,0	100,0	
8	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn GD thể thao	%	0	32,5	32,5	0,0	0%	0%		23		23,0		55,5	55,5	
9	Tỷ lệ số người tham gia luyện tập thể thao thường xuyên	%	0	32,2	32,2	0,0	0%	0%		18		17,9		50,1	50,1	
10	Số buổi liên hoan văn nghệ	buổi	6	13	13	2	15%	15%	33%		1		1	12	12	
<b>I</b>	<b>Lao động - việc làm - giảm nghèo</b>															
1	Lao động trong độ tuổi (Từ đủ 15 tuổi trở lên còn khả năng và nhu cầu làm việc)	Người	1.263	1.078	1.078	9.325	865%	865%	738%	8.463		8.463		9.541	9.541	
2	Lao động được giải quyết việc làm	"	10	38	38	40	105%	105%	400%	250		250		288	288	
3	Tỷ lệ người nghiện được quản lý	%	100	100	100	100	100%	100%	100%			0		100	100	
4	Số người nghiện được đưa vào cai nghiện tại trung tâm	Người	3	2	2	14	700%	700%	467%	12		12		14	14	
5	Số lượt người nghiện được đưa vào cai nghiện tại xã, phường	Lượt người	5	8	8	14	175%	175%	280%	21		21		29	29	
6	Số người nghiện được công nhận hoàn thành cai nghiện	Người	0	1	1	0	0%	0%		2		2		3	3	
7	Số hộ nghèo đầu năm	Hộ	0	0	0	1				1		1		1	1	
8	Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	0	0	0	0				1		1		1	1	
9	Tỷ lệ hộ giảm nghèo trong năm	%	0	0	0	0						0		0,03	0,03	
10	Số hộ nghèo còn lại cuối năm	Hộ	0	0	0	1						0		0	0	
11	Tỷ lệ hộ nghèo còn lại cuối năm	%	0	0	0	0,2						0		0	0	
	<b>Chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH</b>											0				
1	BHXH bắt buộc	Người										0				
2	Bảo hiểm thất nghiệp	Người										0				
3	BHXH tự nguyện	Người		4	4	205	5125%	5125%		361		361		365	365	

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng 2019	KH 2020		Thực hiện 6 tháng 2020	So sánh thực hiện 6 tháng 2020 (%)			Đề nghị điều chỉnh				Kế hoạch sau điều chỉnh 2020		Ghi chú
				TP giao	HĐND Phường giao		TP Giao	HĐND phường Giao	Cùng kỳ	TP		Phường		TP giao	HĐND Phường giao	
										Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
-	Số xã PCGDTHCS	Xã	1	1	1	1	100%	100%	100%					1	1	
-	Số xã PCGD cho trẻ mầm non 5 tuổi	Xã	1	1	1	1	100%	100%	100%					1	1	
4	Tuyển mới vào trường PT dân tộc nội trú (THCS)	HS														
5	Duy trì tỷ lệ trường đạt chuẩn QG	%		100	100	100	100%	100%						100	100	
6	Số trung tâm học tập cộng đồng	TT	1	1	1	1	100%	100%	100%					1	1	
<b>G</b>	<b>Phát triển sự nghiệp y tế</b>															
1	trạm y tế															
	Số cơ sở	Cơ sở	1		1	1		100%	100%							1
	Số giường	Giường	5		5	5		100%	100%							5
2	Bệnh viện thành phố															
	Số cơ sở															
	Số giường															
3	Tỷ lệ TE <1 tuổi được TC đầy đủ	%	30	96,7	97	40	41%	41%	133%	2,3		2		99,0	99,0	
4	Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi	%	0			0						0,08		0,08	0,08	
5	Số xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	Xã, phường	1	1	1	1	100%	95%	100%					1	1	
6	Bao phủ BHYT trên địa bàn	%	90	96,7	97	95	98%	98%	106%		0,5			96,2	97,0	
7	Dân số trung bình	Người	1.250	2.135	2.135	11.253	527%	527%	900%	11.320		11.320		13.455	13.455	
8	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh	%	18	40	42	20	50%	48%	111%					40	42	
9	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	%	25	65	68	45	69%	66%	180%					65	68	
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%o	8			5,6			70%	8,6		8,6		8,6	8,6	
11	Tăng thêm tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ	%	15	46	48	32	70%	66%	213%					46	48	
12	Tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng biện pháp tránh thai	%	72	74	78	72	97%	93%	100%					74	78	
<b>H</b>	<b>Phát triển sự nghiệp văn hoá - thông tin - du lịch</b>															
2	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá	%	0	95,0	95,0	0,0	0%	0%		1		1		96,0	96,0	



**PHỤ BIỂU ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ - HĐND ngày tháng 7 năm 2020 của UBND phường Lào Cai)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2020		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	% So sánh	
		Kế hoạch thành phố giao	Kế hoạch phường giao		Ước TH/KH TP	Ước TH/KH P
A	B	1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>Thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>1.376.000.000</b>	<b>1.446.000.000</b>	<b>5.318.957.417</b>	<b>386,55</b>	<b>367,84</b>
<b>A</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>1.376.000.000</b>	<b>1.446.000.000</b>	<b>5.318.957.417</b>	<b>386,55</b>	<b>367,84</b>
1	Thu ngoài quốc doanh	440.000.000	450.000.000	1.852.352.155	420,99	411,63
	- Thuế GTGT	430.000.000	430.000.000	1.822.717.155	423,89	423,89
	- Thuế TNDN			4.669.000		
	- Thuế TTĐB		-			
	- Thu khác	10.000.000	20.000.000	24.966.000	249,66	124,83
	- Thuế tài nguyên					
2	Thuế trước bạ	100.000.000	100.000.000	164.507.000	164,51	164,51
3	Thuế SD đất phi nông nghiệp	26.000.000	26.000.000	52.919.104	203,54	203,54
4	Thuế thu nhập cá nhân	150.000.000	160.000.000	791.159.158	527,44	494,47
5	Thuế cấp quyền sử dụng đất	550.000.000	600.000.000	2.212.025.000	402,19	368,67
6	Phí và lệ phí	70.000.000	70.000.000	219.985.000	314,26	314,26
	- Lệ phí môn bài	30.000.000	30.000.000	101.600.000	338,67	338,67
	- Thu phí bến bãi	10.000.000	10.000.000	79.886.000	798,86	798,86
	- Phí khác	30.000.000	30.000.000	38.499.000	128,33	128,33
7	Thu khác ngân sách xã	40.000.000	40.000.000	26.010.000	65,03	65,03
	- Thu khác tại xã	40.000.000	40.000.000	26.010.000	65,03	65,03
<b>II</b>	<b>Tổng thu NS xã, phường</b>	<b>4.374.000.000</b>	<b>4.374.000.000</b>	<b>4.133.089.095</b>	<b>94,49</b>	<b>94,49</b>
1	Các khoản thu 100%	106.000.000	106.000.000	234.857.104	221,56	221,56
	- Thuế SD đất phi nông nghiệp	26.000.000	26.000.000	52.919.104	203,54	203,54
	- Thu phí bến bãi	10.000.000	10.000.000	79.886.000	798,86	798,86
	- Phí khác	30.000.000	30.000.000	87.852.000	292,84	292,84
	- Thu khác tại xã	40.000.000	40.000.000	14.200.000	35,50	35,50
2	Các khoản thu theo tỷ lệ điều tiết %	65.000.000	65.000.000	90.103.139	138,62	138,62
	- Lệ phí môn bài	15.000.000	15.000.000	12.400.000	82,67	82,67
	- Thuế TTĐB	-	-	-		
	- Thuế trước bạ	50.000.000	50.000.000	77.703.139	155,41	155,41
	- Thuế tài nguyên					
3	Thu trợ cấp ngân sách	4.203.000.000	4.203.000.000	3.613.000.000	85,96	85,96
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			195.128.852		

Số TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2020		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	% So sánh	
		Kế hoạch thành phố giao	Kế hoạch phường giao		Ước TH/KH TP	Ước TH/KH P
III	Tổng chi ngân sách xã, phường	4.337.267.000	4.337.267.000	3.154.925.414	72,74	72,74
A	<b>Chi thường xuyên</b>	4.337.267.000	4.337.267.000	3.154.925.414	72,74	72,74
1	Hoạt động quốc phòng	228.972.000	228.972.000	326.798.784	142,72	142,72
2	Hoạt động an ninh	137.856.000	137.856.000	131.120.000	95,11	95,11
3	Sự nghiệp phát thanh	23.000.000	23.000.000	-	-	0,00
4	Hoạt động văn hóa	389.620.000	389.620.000	180.010.000	46,20	46,20
5	Hoạt động thể thao	-	-	-	-	-
6	Sự nghiệp giáo dục	27.152.000	27.152.000	3.446.000	12,69	12,69
7	Công tác xã hội	53.520.000	53.520.000	50.880.400	95,07	95,07
	- Chi hoạt động hưu xã	-	-	31.480.400	-	-
	- Chi hoạt động xã hội khác	53.520.000	53.520.000	19.400.000	36,25	36,25
8	Chi hoạt động quản lý nhà nước	2.659.725.000	2.659.725.000	1.700.656.915	63,94	63,94
9	Chi hoạt động Đảng	271.456.000	271.456.000	412.051.163	151,79	151,79
10	Chi hoạt động MTTQ Việt Nam	201.347.000	201.347.000	143.795.847	71,42	71,42
11	Chi hoạt động ĐTN CSHCM	86.897.000	86.897.000	50.371.614	57,97	57,97
12	Chi hoạt động Hội Liên hiệp Phụ nữ	57.060.000	57.060.000	38.007.688	66,61	66,61
13	Chi hoạt động Hội Cựu chiến binh	88.817.000	88.817.000	56.304.791	63,39	63,39
14	Chi hoạt động Hội Nông dân	111.845.000	111.845.000	61.482.212	54,97	54,97
15	Chi hỗ trợ tổ chức đoàn thể	-	-	-	-	-
16	Chi khác	-	-	-	-	-
B	<b>Chi dự phòng</b>	-	-	-	-	-
1	Chi dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
C	<b>Chi chuyên nguồn</b>	-	-	-	-	-

**BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020**

**Phường Lào Cai**

*( Kèm theo Nghị quyết số: /NQ- HĐND ngày /7/2020 của UBND phường Lào Cai)*

Đơn vị: VN đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số giao đầu năm	Trong đó		Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.376.000.000</b>	<b>9.367.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.743.000.000</b>
*	<b>Thu cân đối ngân sách</b>	<b>1.376.000.000</b>	<b>9.367.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.743.000.000</b>
1	Thu ngoài quốc doanh	430.000.000	2.500.000.000	-	2.930.000.000
	- Thuế giá trị gia tăng	430.000.000	2.470.000.000		2.900.000.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		30.000.000		30.000.000
	- Thuế tài nguyên				-
2	Thuế thu nhập cá nhân	150.000.000	1.440.000.000		1.590.000.000
3	Thuế SD đất phi nông nghiệp	26.000.000	174.000.000		200.000.000
4	Thuế cấp quyền SD đất	550.000.000	4.500.000.000	-	5.050.000.000
	- Chuyển mục đích	500.000.000			500.000.000
	- Tiền đất dân cư		4.000.000.000		4.000.000.000
	- Đất thu nợ tái định cư	50.000.000	500.000.000		550.000.000
5	Thuế trước bạ	100.000.000	300.000.000		400.000.000
6	Phí và lệ phí	70.000.000	273.000.000	-	343.000.000
	- Lệ phí môn bài	30.000.000	93.000.000		123.000.000
	- Phí lệ đường bến bãi	10.000.000	90.000.000		100.000.000
	- Phí xã, phường	30.000.000	90.000.000		120.000.000
7	Thu khác ngân sách	50.000.000	180.000.000	-	230.000.000
	- Thu khác tại xã	40.000.000	50.000.000		90.000.000
	- Thu khác tại thuế	10.000.000	130.000.000		140.000.000
<b>II</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG</b>	<b>4.374.000.000</b>	<b>6.468.878.000</b>	<b>-</b>	<b>10.842.878.000</b>
1	Các khoản thu 100%	106.000.000	404.000.000	-	510.000.000
2	Thu theo tỷ lệ điều tiết	65.000.000	211.500.000	-	276.500.000
3	Thu từ nguồn NQ quốc hội				
4	Thu kết dư ngân sách		395.477.000		395.477.000
5	Thu chuyển nguồn		884.992.000		884.992.000
5	Thu trợ cấp ngân sách	4.203.000.000	4.572.909.000	-	8.775.909.000
	- Bổ sung có mục tiêu	4.203.000.000	4.572.909.000		8.775.909.000
	- Bổ sung ngân sách				
<b>III</b>	<b>TỔNG CHI NS PHƯỜNG</b>	<b>4.374.000.000</b>	<b>6.468.878.000</b>	<b>-</b>	<b>10.842.878.000</b>
	- Chi thường xuyên	4.374.000.000	6.468.878.000		10.842.878.000
	<i>Tr.đó: - Tiết kiệm 10% chi TX để CCTL</i>	<i>35.100.000</i>			<i>35.100.000</i>
	<i>- Tiết kiệm 15% chi thường xuyên</i>	<i>52.650.000</i>			<i>52.650.000</i>
	<i>- Chi khác ngân sách 0,2%</i>	<i>3.673.000</i>			<i>3.673.000</i>
	<i>- Chi dự phòng 2%</i>	<i>36.733.000</i>	<i>127.318.000</i>		<i>164.051.000</i>
	<i>- Chi khen thưởng 1,5%</i>	<i>5.265.000</i>			<i>5.265.000</i>
	<i>- Chi bằng nguồn kết dư</i>		<i>268.159.000</i>		<i>268.159.000</i>
	<i>- Chi chuyển nguồn</i>		<i>884.992.000</i>		<i>884.992.000</i>